TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/2019/QĐST-HNGĐ	*Đô Lương, ngày 27 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82; 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 121/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về "việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn":

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Võ Thị T, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm 13, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Phan Duy N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm 13, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Phan Duy N.

- Về con chung: Giao con chung cháu Phan Thị Thị Dung, sinh ngày 12 / 12 / 2003 và cháu Phan Duy Đạt, sinh ngày 19/10/2208 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Phan Duy N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con con chung mỗi tháng 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho mỗi cháu (250.000đ/ 1 cháu/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Anh Phan Duy N có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: : Chị Võ Thị T và anh Phan Duy N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: Chị Võ Thị T và anh Phan Duy N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Võ Thị T thoả thuận nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí yêu cầu việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005133 ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương. Chị Võ Thị T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Đại